

Bản án số: 16/2026/HS-PT  
Ngày 06 - 7 - 2026

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Điều Thị Kim Liên.

*Các Thẩm phán:* Ông Đỗ Tuấn Long.

Bà Tòng Thị Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Sòi Ngọc An Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 21/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2026 do có kháng cáo của bị cáo Lường Văn D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2026/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La.

- Bị cáo: **Lường Văn D**, sinh ngày 18 tháng 9 năm 1985 tại xã P, tỉnh Sơn La; Số căn cước công dân: 014085013772; Nơi ĐKKTT: Bản Nhung Trên, xã P, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: không; Con ông Lường Văn N (đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 160/2007/HSST ngày 04/12/2007 của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Sơn La) đã xử phạt Lường Văn D 24 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Sơn La. Người đại diện: Ông Đào Trung H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cộng đồng bản Nhung Trên, xã P, tỉnh Sơn La. Người đại diện: Ông Lò Văn H1 – Trưởng bản. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, Tòa án không triệu tập:*

- + Lò Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản C, xã P, tỉnh Sơn La.
- + Lò Văn V, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La.
- + Lường Văn S, sinh năm 1989. Địa chỉ: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La.
- + Lò Thị D1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La.
- + Lường Văn D2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La.

**Người làm chứng:**

- + Hà Thị M, sinh năm 1994. Địa chỉ: Bản N, xã P, tỉnh Sơn La.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2024, do thiếu đất canh tác nông nghiệp nên Lường Văn D nảy sinh ý định chặt phá rừng tại khu H thuộc bản Nhung Trên, xã C, tỉnh Sơn La (nay là xã P, tỉnh Sơn La) để lấy đất trồng cây nông nghiệp. Dước đã nhờ 05 người trú cùng bản gồm: Lò Văn V, sinh năm 1992; Hà Thị M, sinh năm 1994; Lường Văn S, sinh năm 1989; Lò Thị D1, sinh năm 1995 và Lường Văn D2, sinh năm 1983 đi phát nương đồi công cho D (05 người trên không biết khu nương mà D nhờ đồi công phát dọn là rừng tự nhiên). Sau đó, 06 người sử dụng dao quắm để chặt phát những dây leo, bụi rậm, cây gỗ tái sinh nhỏ và các bụi tre, D sử dụng cưa máy cầm tay mượn của Lò Văn T (sinh năm 1995, trú tại bản Cho Cong, xã P, tỉnh Sơn La) là cháu của D để cưa hạ những cây gỗ to không chặt được bằng dao. Mọi người cùng nhau chặt, phá trong khoảng 02 ngày thì chặt hạ được toàn bộ cây trên diện tích 17.355m<sup>2</sup>, rồi chờ cây khô để đốt dọn. Đến tháng 3/2025, ban Q phụ trách địa bàn phát hiện khu vực rừng tại khu H bị chặt phá nên đã báo cáo Hạt Kiểm lâm huyện M để kiểm tra xác minh theo quy định. Hạt Kiểm lâm đã triệu tập Lường Văn D đến trụ sở làm việc. Dước đã khai nhận toàn bộ hành vi chặt phá, hủy hoại rừng.

Ngày 28/5/2025, Hạt Kiểm lâm huyện M chủ trì tiến hành khám nghiệm hiện trường, đo diện tích rừng bị chặt phá. Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định:

- Diện tích rừng bị chặt phá là: 17.355m<sup>2</sup>.
- Vị trí:

+ Theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp, giao rừng (Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 17/6/2003 của UBND huyện M về việc giao đất lâm nghiệp -giao rừng) thì vị trí khu vực rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu C, khoảnh 2, lô i.

+ Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 9/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S thì vị trí khu vực rừng bị chặt phá thuộc Tiểu khu C, K, lô A (lô \_rs).

- Hiện trạng khu vực bị chặt phá: Tại hiện trường cây rừng bị chặt hạ nằm ngổn ngang, phân bố không đồng đều, chủ yếu là các cây tre, nứa và cây thân gỗ có chu vi tại vị trí 1,3m từ 31cm đến 160cm, dài từ 3m đến 11m (bao gồm các loài như: Dẻ, T1 ngạnh, V1 thuốc....). Gốc cây gỗ bị hạ để lại mặt cắt gốc dấu vết sử dụng cưa máy; các gốc còn lại có dấu vết chặt hạ bằng dao.

Ngày 31/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 3231/QĐ-CSKT trưng cầu Giám định viên tư pháp lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh S, giám định phương pháp xác định vị trí, diện tích rừng, lâm sản bị thiệt hại; loại rừng, trạng thái rừng, chủ rừng quản lý.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày 15/8/2025 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh S, kết luận:

*“1. Diện tích thiệt hại: Phương pháp xác định diện tích vi phạm được nêu trong Biên bản khám nghiệm hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện M (nay là Hạt Kiểm lâm khu vực VI), Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn (nay là Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4) và các thành phần liên quan lập ngày 03/6/2025 là đúng với phương pháp xác định diện tích rừng bị thiệt hại và đúng theo TCVN 13458:2021 do T2.*

*- Diện tích vị trí khu vực do Lương Văn D chặt, phá như trong nội dung sự việc là 17.355m<sup>2</sup>.*

*2. Xác định vị trí, loại rừng, trạng thái rừng, chủ rừng*

*2.1. Xác định vị trí, loại rừng*

*Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện khu vực vi phạm lên Bản đồ và hồ sơ giao đất Lâm nghiệp-giao rừng năm 2003; Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, có kết*

quả như sau: - Theo dữ liệu bản đồ và hồ sơ giao đất, giao rừng xã C (nay là xã P) năm 2003:

+ Vị trí: Khu vực rừng bị chặt hạ nằm trong lô i; khoảnh 2, tiểu khu C.

+ Loại rừng: Rừng phòng hộ.

- Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Vị trí: Khu vực rừng bị chặt hạ nằm trong lô: (Io-rs)15; thuộc khoảnh 2, tiểu khu C.

+ Loại rừng: Đất rừng sản xuất 17.355m<sup>2</sup>.

- Tại thời điểm giám định khu vực rừng bị chặt chưa lập hồ sơ phương án chuyển loại rừng trình cấp có thẩm quyền quyết định chuyển loại rừng từ phòng hộ sang sản xuất theo quy định của pháp luật về Lâm nghiệp.

### 3. Trạng thái rừng

- Trạng thái rừng và đất Lâm nghiệp trong bản đồ kiểm kê rừng giai đoạn thuộc lô số 24 khoảnh 2 tiểu khu. 2013-2016: Diện tích rừng tự nhiên Tre/luồng tự nhiên trên núi đất ký hiệu TLU, - Trạng thái rừng và đất lâm nghiệp: Theo Bản đồ rà soát đất lâm nghiệp được phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S về việc phê duyệt kết quả rà soát đất lâm nghiệp tỉnh Sơn La theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Diện tích rừng tự nhiên Tre/luồng tự nhiên trên núi đất ký hiệu TLU: (Io-rs)15; thuộc Khoảnh 2, tiểu khu 320: 17.355m<sup>2</sup>? - Trạng thái rừng theo bảng kê: Theo bảng kê lâm sản được đo đếm ngày 28/5/2025 của ông Lường Văn D, bản Nhụng Trên, xã C (nay là xã P), số lượng 244 cây và khối lượng gỗ: 17,722 m<sup>3</sup> trên diện tích 17.355 m<sup>2</sup>; số lượng cây tre 926 cây trên diện tích 17.355 m<sup>2</sup>; và quá trình quan sát bằng mắt thường tại hiện trường; quy đổi ra theo mật độ trên hecta như sau: Trữ lượng gỗ: 10,21 m<sup>3</sup> trên một héc ta; Tre nứa 534 cây trên một héc ta. Diện tích 17.355m<sup>2</sup> thuộc khoảnh 2, tiểu khu C có trạng thái rừng là: Rừng hỗn giao tre nứa trên núi đất (HG).

### 4. Chủ rừng:

Theo hồ sơ giao đất Lâm nghiệp giao rừng năm 2003, Diện tích 17.355m<sup>2</sup> do ông Lường Văn D, sinh năm 1985, trú tại bản Nhụng Trên, xã C (nay là xã P), tỉnh Sơn La thực hiện hành vi chặt phá rừng trái pháp luật tại thuộc lô i,

khoảnh 2, tiểu khu C chủ rừng do cộng đồng Nhung Trên, xã C (nay là xã P), tỉnh Sơn La quản lý, bảo vệ.

*5. Xác định phương pháp đo khối lượng lâm sản thiệt hại.*

Toàn bộ 244 cây gỗ theo hồ sơ, tài liệu vụ việc do bên trưng cầu cung cấp có khối lượng 17,722 m<sup>3</sup> bị chặt hạ thuộc đối tượng đề nghị giám định đều là gỗ thông thường, các loài cây đều không thuộc danh mục (không nằm trong danh mục) loài nguy cấp, quý hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ.”

Ngày 13/11/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S ban hành Yêu cầu định giá tài sản số 8894/YC-CSKT yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng tỉnh Sơn La xác định giá trị rừng bị thiệt hại:

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS ngày 02/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh S kết luận:

“- Diện tích rừng do đối tượng Lương Văn D chặt phá tại bản Nhung Trên, xã P: 17.355m<sup>2</sup>.

1. Giá trị lâm sản bị thiệt hại: 70.485.733 đồng.

2. Giá trị quyền sử dụng rừng bị thiệt hại: 5.430.500 đồng.

3. Giá trị môi trường rừng bị thiệt hại: 70.485.733 đồng.

Tổng giá trị rừng bị thiệt hại: 146.401.966 đồng.”

Quá trình điều tra xác định, diện tích rừng thuộc lô i; khoảnh 2, tiểu khu C tại bản Nhung Trên, xã C, theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp, giao rừng (Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 17/6/2003 của UBND huyện M về việc giao đất lâm nghiệp - giao rừng) là rừng phòng hộ nhưng đến năm 2024 đã được chuyển sang loại rừng sản xuất (Theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S). Theo quy định tại điểm 3.4 khoản 1 Điều 1 của Quyết định trên quy định việc chuyển loại rừng được giao cho Cơ quan chức năng thực hiện. Tuy đến nay các cơ quan chuyên môn chưa hoàn tất thủ tục hành chính về chuyển loại rừng nhưng việc xác định tính chất của loại rừng đã được xác định trong Quyết định 886/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh S, việc xác định đây là rừng sản xuất là có lợi cho bị cáo Lương Văn D trong việc xác định trách nhiệm hình sự. Do vậy, xác định loại rừng để xử lý vi phạm đối với Lương Văn D là rừng sản xuất.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2026/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La đã quyết định:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025):

Tuyên bố bị cáo Lường Văn D phạm tội Hủy hoại rừng. Xử phạt bị cáo Lường Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lường Văn D phải bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền là 146.401.966VNĐ (Một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm linh một nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước; chấp nhận việc bị cáo đã nộp số tiền 10.000.000VNĐ (Mười triệu đồng) tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 136.401.966VNĐ (Một trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm linh một nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 4 năm 2026 bị cáo Lường Văn D có đơn kháng cáo một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2026/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo hưởng án treo để chăm lo cho mẹ già và em trai khuyết tật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lường Văn D, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2026/HS-ST ngày 01/4/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La như sau:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025): Tuyên bố bị cáo Lường Văn D phạm tội Hủy hoại rừng. Xử phạt bị cáo Lường Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 (ba) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lường Văn D phải bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền là 146.401.966VNĐ (Một trăm bốn mươi sáu triệu,

bốn trăm linh một nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước; bị cáo đã nộp tổng số tiền 30.000.000VNĐ (Ba mươi triệu đồng) tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 116.401.966VNĐ.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo nhất trí không có ý kiến tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/04/2026 bị cáo Lương Văn D có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể và phạm vi kháng cáo nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai tại Cơ quan điều tra và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ hợp pháp khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã thực hiện hành vi hủy hoại 17.355m<sup>2</sup> rừng sản xuất do cộng đồng bản Nhung Trên quản lý, gây thiệt hại tổng giá trị 146.401.966 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Hủy hoại rừng theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Lương Văn D:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn D dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là 01 năm 06 tháng tù theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp với tính chất vai trò hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có đất để sản xuất, trồng trọt, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mục đích để có đất sản xuất nông nghiệp phục vụ cải thiện đời sống kinh tế của gia đình, bị cáo là lao động chính phải nuôi mẹ già (mẹ bị cáo 74 tuổi) cùng em trai khuyết tật (có giấy xác nhận khuyết tật của

UBND cấp xã); bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật có phần còn hạn chế; quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã tiếp tục tự nguyện nộp thêm số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Như vậy, tổng số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho nhà nước là 30.000.000 đồng. Việc tiếp tục chủ động khắc phục hậu quả sau khi xét xử sơ thẩm thể hiện thái độ thực sự ăn năn, ý thức tự giác sửa chữa, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp bổ sung thêm các tài liệu: Biên lai thu tiền số 0000308 ngày 15/06/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La về việc tự nguyện nộp thêm số tiền bồi thường dân sự là 20.000.000 đồng; Đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo hưởng án treo của Trưởng bản N, xã P, tỉnh Sơn La là nơi bị cáo đang sinh sống, có xác nhận của UBND xã thể hiện trong thời gian sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, không vi phạm các quy định của địa phương và có ý thức chấp hành các yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, xét đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng thêm đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có đủ điều kiện áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự như: Có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú. Việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có khả năng tự giác cải tạo, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, việc chuyển biện pháp chấp hành hình phạt tù cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về bồi thường dân sự: Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã thực hiện bồi thường thêm số tiền 20.000.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La. Tổng cộng số tiền bị cáo đã bồi thường là 30.000.000 đồng. Xét việc bồi thường của bị cáo là tự nguyện nên cần ghi nhận. Buộc bị cáo có trách nhiệm tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 116.401.966 đồng.

Từ những phân tích trên, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 53/2026/HS-ST ngày 01/04/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo và bồi thường dân sự.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lương Văn D, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2026/HS-ST ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Sơn La như sau:

**1. Về tội danh và hình phạt:** Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn D phạm tội Hủy hoại rừng.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 03 (ba) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 06/7/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Lương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

**2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lương Văn D phải bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại số tiền là 146.401.966 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm linh một nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước; ghi nhận bị cáo đã nộp tổng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) theo biên lai thu số 0000081 ngày 09/02/2026 và biên lai thu số 0000308 ngày 15/06/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Sơn La; bị cáo còn phải bồi thường tiếp số tiền là 116.401.966 đồng (Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm linh một nghìn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

**3. Về án phí hình sự phúc thẩm:** Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2026).

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7<sup>a</sup>, 7<sup>b</sup> và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND khu vực 4 - Sơn La;
- Phòng THADS khu vực 4 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Công an xã Phiêng Cầm, tỉnh Sơn La;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đieu Thị Kim Liên**